

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2018/HS-ST
Ngày 04-6-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hương Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lại.

Bà Nguyễn Thị Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Minh Nguyệt – Thư ký Toà án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 27/2018/TLST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2018/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

Trần Văn T – sinh năm 1990.

HKTT: Số 83, khu T, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Trình độ văn hóa: 8/12.

Quốc tịch: Việt Nam.

Dân tộc: Kinh.

Tôn giáo: Không.

Con ông Trần Văn T1 – sinh năm 1962 và bà Vũ Thị L – sinh năm 1960.

Có vợ là: Nguyễn Thị Hải Y – sinh năm 1987.

Có 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2017.

Chị em ruột: Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai.

Tiền án: Ngày 07/7/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn – tỉnh Bắc Giang xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 23/6/2016.

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 20/7/2007 bị Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn – tỉnh Bắc Giang xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Ngày 23/6/2010 bị Tòa án nhân dân huyện Bến Cát – tỉnh Bình Dương xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 07/01/2011 và hết thời hiệu thi hành án phí hình sự sơ thẩm.

- Ngày 14/12/2017 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tiên Du – tỉnh Bắc Ninh khởi tố bị can về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Bị cáo bị bắt khẩn cấp, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/12/2017, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

- **Bị hại:** Anh Đỗ Văn T2 – sinh năm 1988 (vắng mặt).

HKTT: Thôn T, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Anh Nguyễn Văn T3 – sinh năm 1976 (vắng mặt).

HKTT: Thôn M, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

2. Ông Đinh Quang V (tên gọi khác: P) – sinh năm 1965 (vắng mặt).

HKTT: Số 27B, ngõ 15, đường H, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

3. Bà Trần Thị Ch – sinh năm 1957 (vắng mặt).

HKTT: Thôn T, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

4. Anh Nguyễn Tiến H – sinh năm 1978 (vắng mặt).

HKTT: Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

5. Anh Vũ Đình Th – sinh năm 1981 (vắng mặt).

HKTT: Thôn C, xã M, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Buổi chiều ngày 30/12/2017 Trần Văn T - sinh năm 1990, HKTT: Số 83, khu T, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang đi chơi ở khu vực ngã tư Đ, huyện V. Khoảng 20 giờ cùng ngày, T đến phòng trọ của một người tên D (T không biết địa chỉ, năm sinh cụ thể của D) đang thuê ở thôn M, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang của gia đình anh Nguyễn Văn T3 – sinh năm 1976 để ngủ nhờ. Khoảng 10 giờ ngày 31/12/2017, khi ngủ dậy T không thấy anh D ở phòng trọ, lúc này T nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô mang bán

lấy tiền chi tiêu. T đi bộ xuống tầng 01 khu vực để xe, quan sát thấy không có ai trông giữ xe mô tô, không thấy có người qua lại, T đi đến chỗ chiếc xe mô tô Honda Wave RSX màu đen trắng, biển kiểm soát 98N8-7011 của anh Đỗ Văn T2 – sinh năm 1988, HKTT: Thôn T, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang đang thuê trọ để tại đây, lấy trong túi quần ra 01 chùm chìa khóa, trong đó có một chiếc phôi chìa khóa mang theo từ trước, dùng chiếc phôi chìa khóa vặn mở khóa điện, rồi ngồi lên xe nổ máy điều khiển xe đến thành phố Bắc Giang tìm chỗ tiêu thụ nhưng chưa tìm được chỗ tiêu thụ nên T điều khiển xe mô tô đến nhà ông Đinh Quang V (tên gọi khác: P) – sinh năm 1965 ở số nhà 27B, ngõ 15, đường H, phường H, thành phố B là người quen biết từ trước chơi.

Khoảng 11 giờ cùng ngày 31/12/2017 anh Đỗ Văn T2 phát hiện xe mô tô bị mất, anh đã báo anh T3 là chủ nhà trọ và cùng anh T3 kiểm tra camera thì phát hiện T từ phòng trọ của anh D xuống tầng 01 lấy trộm xe của anh T2.

Cùng ngày 31/12/2017, anh T2 đến Công an huyện Việt Yên trình báo về việc bị mất trộm xe. Cùng ngày 31/12/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Việt Yên đến nhà ông Đinh Quang V thực hiện Lệnh bắt khẩn cấp Trần Văn T, đã thu giữ 01 xe mô tô Honda Wave RSX biển kiểm soát 98N8-7011; 01 mũ bảo hiểm loại nửa đầu, màu trắng; 01 chùm có 03 chìa khóa (trong đó có 01 chiếc phôi chìa khóa) và 01 khẩu trang y tế màu xanh.

Ngày 05/01/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Việt Yên tiến hành định giá và kết luận xe mô tô Honda Wave RSX biển kiểm soát 98N8-7011; số máy 2215372; số khung 46311 trị giá 9.000.000đồng (*Chín triệu đồng*).

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 11/01/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Việt Yên ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại anh Đỗ Văn T2 xe mô tô Honda Wave RSX biển kiểm soát 98N8-7011; anh T2 đã nhận lại xe và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì.

Tại bản Cáo trạng số 34/CT-VKSVY ngày 24/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên truy tố bị cáo Trần Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Viện kiểm sát đã truy tố là đúng người, đúng tội không oan. Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố giữ nguyên cáo trạng truy tố và luận tội đối với bị cáo. Đồng thời đánh giá động cơ, mục đích, tác hại của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự từ đó đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41 ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 15 (mười lăm) tháng đến 18 (mười tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 31/12/2017.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 để tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) mũ bảo hiểm loại nửa đầu, màu trắng, có lưỡi trai, trên mũ có hình bông hoa.

- 01 (một) chùm chìa khóa có 03 chiếc chìa khóa trong đó có 01 phôi chìa khóa chưa cắt.

- 01 (một) khẩu trang y tế màu xanh.

Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Việt Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo Trần Văn T phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án về không gian, thời gian xảy ra vụ án. Điều đó có đủ căn cứ để kết luận bản Cáo trạng số 34/CT-VKSVY ngày 24/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên truy tố bị cáo Trần Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội không oan.

[3] Khoảng 10 giờ ngày 31/12/2017 tại nơi để xe thuộc nhà trọ của gia đình anh Nguyễn Văn T3 – sinh năm 1976, HKTT: Thôn M, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang, Trần Văn T – sinh năm 1990, HKTT: Số 83, khu T, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang đã lén lút dùng phôi chìa khóa xe mô tô mang theo người từ trước để mở khóa điện lấy trộm xe mô tô Honda Wave RSX biển kiểm soát 98N8-7011, trị giá 9.000.000đồng (*Chín triệu đồng*) của anh Đỗ Văn T2 – sinh năm 1988, HKTT: Thôn T, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang là công nhân thuê trọ tại nhà anh T3.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự công cộng, gây hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân. Bản thân bị cáo đã ba lần bị xử phạt hình sự về tội “Trộm cắp tài sản”, song bị cáo không sửa đổi mà vẫn tiếp tục phạm tội. Điều đó chứng tỏ bị cáo là người coi thường pháp luật, không có ý thức sửa đổi bản thân để trở thành công dân tốt. Với hành vi phạm tội của bị cáo, sau khi được phân tích và đánh giá tính chất, mức độ của hành vi bị cáo gây ra, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải áp dụng đối với bị cáo một hình phạt theo Bộ luật hình sự mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[5] Xét về mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị, Hội đồng xét xử thấy là tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cho bị cáo, Hội đồng xét xử cần phân tích đánh giá như sau:

Xét về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu. Ngày 20/7/2007 bị Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn – tỉnh Bắc Giang xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 23/6/2010 bị Tòa án nhân dân huyện Bến Cát – tỉnh Bình Dương xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 07/7/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn – tỉnh Bắc Giang xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 14/12/2017 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tiên Du – tỉnh Bắc Ninh khởi tố bị can về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội khi chưa được xóa án tích nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 cho bị cáo là có căn cứ.

Do hành vi phạm tội của bị cáo xảy ra trước 0 giờ 00 phút ngày 01/01/2018 và tại Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định hình phạt nhẹ hơn so với Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999. Vì vậy cần áp dụng Nghị quyết số 41 ngày 20/6/2017 của Quốc hội hướng dẫn áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 và các tình tiết có lợi cho người phạm tội để xem xét quyết định hình phạt cho bị cáo.

Qua đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 buộc bị cáo phải cách ly khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt. Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam - Công an tỉnh Bắc Giang nên Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo cho việc thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có công việc và thu nhập ổn định, bị cáo không có tài sản gì đáng giá nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo là có căn cứ.

[6] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Ngày 11/01/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Việt Yên ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại anh Đỗ Văn T2 xe mô tô Honda Wave RSX biển kiểm soát 98N8-7011; anh T2 đã nhận lại xe và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì. Xét thấy đây là sự tự nguyện của anh T2 nên Hội đồng xét xử không xem xét trách nhiệm bồi thường dân sự trong vụ án này.

[7] Về xử lý vật chứng vụ án: Đối với 01 mũ bảo hiểm loại nửa đầu, màu trắng; 01 chùm có 03 chìa khóa (trong đó có 01 chiếc phôi chìa khóa); 01 khẩu trang y tế màu xanh là những công cụ, phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội và không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Đối với anh D là người cho T ngủ nhờ ở phòng trọ của anh tối ngày 30/12/2017, do anh T3 và bị cáo T không biết rõ địa chỉ nơi ở của anh D mà chỉ nghe nói anh D ở thị trấn C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Cơ quan điều tra đã xác minh ở địa chỉ nêu trên nhưng không có ai tên D, có đặc điểm như anh T3 và T khai, do vậy Cơ quan điều tra không ghi được lời khai của anh D. Tuy nhiên, anh D không có vai trò gì trong vụ án nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải xem xét.

Đối với ông Đinh Quang V (tên gọi khác: P) khi T điều khiển xe mô tô đến nhà ông V chơi và để xe tại nhà ông, nhưng ông V không biết là xe mô tô do T trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý, Hội đồng xét xử xét thấy là có căn cứ.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Ngoài ra, cần áp dụng Điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 để tuyên quyền kháng cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41 ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 31/12/2017.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 để tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) mũ bảo hiểm loại nửa đầu, màu trắng, có lưỡi trai, trên mũ có hình bông hoa.

- 01 (một) chùm chìa khóa có 03 chiếc chìa khóa trong đó có 01 phôi chìa khóa chưa cắt.

- 01 (một) khẩu trang y tế màu xanh.

Về án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Trần Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Báo cho bị cáo có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- T.H.A.;
- Công an huyện Việt Yên;
- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS.VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Hoàng Thị Hương Lan